

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2023

MỤC, TIỂU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi con người)	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động)	LOẠI 340/341 Thanh tra thu hồi (HĐ thường xuyên)	LOẠI 340/341 Thanh tra xử phạt. (HĐ không TX)	LOẠI 340/341 Mua trang phục Thanh tra (HĐ KTX)	LOẠI 340/341 PHÍ ĐỀ LẠI	LOẠI 340/341 Nguồn cải cách tiền lương	LOẠI 340/341 ĐẤU THẦU THUỐC (NH TMCP Công thương Đồng Nai)	LOẠI 130/131 (ĐP) QUẢN DÂN Y KẾT HỢP	LOẠI 340/341 Kinh phí mua sắm TTB VPS	LOẠI 340/341 Kinh phí sửa chữa trụ sở	LOẠI LOẠI 340/341 Kinh phí xe ô tô chuyên dùng cho VPS	LOẠI 130/131 Mua sắm hệ thống khí oxy điều trị Covid-19	LOẠI 130/131 Xét nghiệm Covid-19	LOẠI 130/131 phòng chống dịch khác
	Số dư quý trước chuyển sang	2.417.122.876	1.973.614.139	180.000.000	93.726.650	34.000.000	4.222.680.292	9.639.093.945	2.804.349.217	90.000.000	198.000.000	288.000.000	923.000.000	131.810.580	41.775.910	499.724.000
	Dự toán giao bổ sung															
	Dự toán giảm trừ															
	Số thu để lại đơn vị	0	0	0	0	0	353.159.520	235.439.680	0	0		0	0	-131.810.580	-41.775.910	-6.224.000
	T7						160.347.600	106.898.400								
	T8						192.811.920	128.541.280								
	T9															
	Tổng cộng	2.417.122.876	1.973.614.139	180.000.000	93.726.650	34.000.000	4.575.839.812	9.874.533.625	2.804.349.217	90.000.000	198.000.000	288.000.000	923.000.000	0	0	493.500.000
	Chi trong quý 3 năm 2023	1.206.818.029	488.030.805	0	5.015.890	0	183.325.304	249.911.114	119.783.567	0	0	0	0	0	0	0
	Số dư cuối quý	1.210.304.847	1.485.583.334	180.000.000	88.710.760	34.000.000	4.392.514.508	9.624.622.511	2.684.565.650	90.000.000	198.000.000	288.000.000	923.000.000	0	0	493.500.000
	Chi tiết chi quý 3 năm 2023	1.206.818.029	488.030.805	0	5.015.890	0	183.325.304	249.911.114	119.783.567	0	0	0	0	0	0	0
1052	Thuế TNDN															
1099	Thuế TNDN khác															
1701	Thuế GTGT															
4949	Các khoản thu khác															
6001	Lương theo ngạch, bậc	754.372.102						212.575.205								
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ		93.818.916				29.899.857									
6101	Phụ cấp chức vụ	30.619.500														
6103	Phụ cấp thu hút															
6105	Phụ cấp làm thêm giờ															
6107	Phụ cấp năng nhọc, độc hại, N	894.000														
6113	PC trách nhiệm theo nghề	26.217.222														
6115	PC thâm niên VK, TNN	18.046.677														
6124	Phụ cấp công vụ	197.051.235														
6149	Phụ cấp khác															
6155	Sinh hoạt phí cán bộ đi học															
6201	Thưởng thường xuyên															
6249	Thưởng khác															
6202	Thưởng đột xuất															
6299	Chi khác		178.300.000													
6301	Bảo hiểm xã hội	139.574.745						29.039.040								
6302	Bảo hiểm y tế	24.091.149						4.978.122								
6303	Kinh phí công đoàn	15.951.399						3.318.747								

[illegible]

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi con người)	LOẠI 340/341 KHOẢN CHI (Chi hoạt động)	LOẠI 340/341 Thanh tra thu hồi (HĐ thường xuyên)	LOẠI 340/341 Thanh tra xử phạt. (HĐ không TX)	LOẠI 340/341 Mua trang phục Thanh tra (HĐ KTX)	LOẠI 340/341 PHÍ ĐỀ LẠI	LOẠI 340/341 Nguồn cải cách tiền lương	LOẠI 340/341 ĐẤU THẦU THUỐC (NH TMCP Công thương Đồng Nai)	LOẠI 130/131 (ĐP) QUÂN DÂN Y KẾT HỢP	LOẠI 340/341 Kinh phí mua sắm TTB VPS	LOẠI 340/341 Kinh phí sửa chữa trụ sở	LOẠI LOẠI 340/341 Kinh phí xe ô tô chuyên dùng cho VPS	LOẠI 130/131 Mua sắm hệ thống khí oxy điều trị Covid-19	LOẠI 130/131 Xét nghiệm Covid-19	LOẠI 130/131 Phòng chống dịch khác
6921	Đường điện, cấp thoát nước															
6949	Sửa chữa tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác															
6954	Mua sắm tài sản và thiết bị chuyên dùng															
6955	Mua sắm tài sản và thiết bị văn phòng															
6956	Mua sắm các thiết bị công nghệ thông tin															
7004	Đồng phục															
7049	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác															
7451	Chi đóng, hỗ trợ tiền đóng tiền BHYT															
7653	Chi hoàn trả các khoản thu về phí và lệ phí															
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai dịch bệnh															
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		2.303.818				2.420.455									
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		630.700													
7761	Chi tiếp khách		2.600.000													
7799	Chi các khoản khác		600.000													
8049	Chi hỗ trợ khác								69.180.000							

VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ

[illegible]

[illegible]

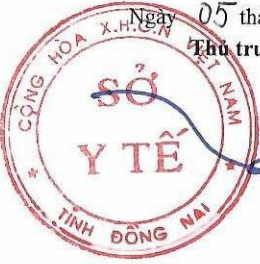
MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 130/131 Kinh phí chi các CD phụ cấp khác (cho hoạt động PCD)	LOẠI 130/131 KP hỗ trợ NVYT phòng chống dịch Covid-19	LOẠI 130/131 KP phục hồi chức năng cho ng khuyết tật	LOẠI 130/139 Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo	LOẠI 130/139 Kinh phí mua thẻ BHYT cho người nhiễm HIV/AIDS	LOẠI 130/139 Hoạt động điều dưỡng, Hoạt động ngành	LOẠI 130/139 KP trợ cấp đặc thù Methadone	LOẠI 130/139 Mua sắm bổ sung TTBYT cho các BV công lập	LOẠI 130/139 KP lập HS khám, QL sức khỏe người dân trên địa bàn tính ĐN	LOẠI 130/139 KP hỗ trợ nguồn nhân lực y tế theo GD 2023-2025 theo NQ34	LOẠI 130/139 KP khám sức khỏe CB Tỉnh ủy quản lý	LOẠI 070/085 Kinh phí đào tạo ngành Y tế	LOẠI 340/341 Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023.	LOẠI 340/341 Kinh phí hỗ trợ LCĐĐ đv bà Võ Thị Ngọc Lâm - PGD từ tháng 5-12/2023
6921	Đường điện, cấp thoát nước														
6949	Sửa chữa tài sản và công trình														
6954	Mua sắm tài sản và thiết bị ch														
6955	Mua sắm tài sản và thiết bị yă														
6956	Mua sắm các thiết bị công nghệ														
7004	Đồng phục														
7049	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn											2.676.329.996			
7451	Chi đóng, hỗ trợ tiền đóng tiền														
7653	Chi hoàn trả các khoản thu về														
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai														
7756	Chi các khoản phí và lệ phí														
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương														
7761	Chi tiếp khách														
7799	Chi các khoản khác														
8049	Chi hỗ trợ khác														

Lập biểu


Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh

Kế toán trưởng


Phạm Quang Thành

Ngày 05 tháng 10 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị

Lê Quang Trung